TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2022/QĐST-VDS	*Mai Sơn, ngày 17 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 131/2022/VDS-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lò Thị Bích L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Bản Ni, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Hà Văn H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản Ni, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Hà Văn H và chị Lò Thị Bích L kết hôn với nhau từ năm 2005 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn vào ngày 02/12/2005. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L cho rằng bản thân tôi quá tập trung cho công việc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên bất đồng về quan điểm sống nên cuộc sống có nhiều lục đục. Anh H cho rằng vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, ai

cũng có quan điểm của riêng mình mà không thể thấu hiểu cho nhau. Anh chị đều xác nhận đã sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Sau thời gian sống ly thân, anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể thực hiện được nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên hòa giải, Chị L và Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu công nhận nhận thuận ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của Chị L và Anh H.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Chị L và Anh H có 01 con chung là cháu Hà Ngọc T, sinh ngày 03/11/2006. Anh chị thống nhất thỏa thuận: Chị Lò Thị Bích L là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Ngọc T, sinh ngày 03/11/2006 đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H cấp dưỡng nuôi cháu T cùng Chị L mỗi tháng là 1.000.000VNĐ, thời gian bắt đầu từ tháng 03/2022 đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung, cháu Hà Ngọc T thể hiện nguyện vọng được ở cùng mẹ. Nhận thấy, thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên và ý kiến của con chung trên 07 tuổi nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị L và Anh H đã thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận xong về tài sản chung nên anh chị không đề nghị Tòa án xem xét trong vụ việc này.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Chị L và Anh H thống nhất xác nhận không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

[4] Về lệ phí tòa án: Chị Lò Thị Bích L nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 09 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn H và chị Lò Thị Bích L thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và Anh H có 01 con chung là Hà Ngọc T, sinh ngày 03/11/2006. Chị Lò Thị Bích L là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Ngọc T đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hà Văn H cấp dưỡng nuôi cháu T cùng Chị L mỗi tháng 1.000.000VNĐ (Một triệu đồng), thời gian bắt đầu từ tháng 03/2022 đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành

Sau khi ly hôn, Anh H được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung vợ chồng: Chị L và Anh H thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận phân chia xong nên không đề nghị Tòa án xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

- Về nợ chung vợ chồng: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lò Thị Bích Hoan nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0001513 ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn H, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Tráng A Tếnh